**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY TNHH………**

*Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020*

##### CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

**ĐIỀU 1: HÌNH THỨC**

**CÔNG TY TNHH ……..**là công ty TNHH một thành viên (dưới đây gọi tắt là Công ty), thuộc sở hữu của ông **…………y.** Công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ.

Chủ sở hữu Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

**ĐIỀU 2: TÊN GỌI, TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2.2. Trụ sở công ty**:

Điện thoại: Email:

2.3 Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật.

2.4 Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự nhất trí bằng văn bản của Chủ sở hữu Công ty và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

**ĐIỀU 3: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ngành, nghề kinh doanh** | **Mã ngành** | **Ngành, nghề kinh doanh chính** |
|  | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành | 4921 |  |
|  | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh | 4922 |  |
|  | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác | 4929 |  |
|  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)  Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (theo điều 6, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)  - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác | 4931 | X |
|  | Vận tải hành khách đường bộ khác  Chi tiết:  - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;  (theo điều 4, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)  - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; (theo điều 5, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)  - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;  (theo điều 7, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)  - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;  (theo điều 8, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) | 4932 |  |
|  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  Chi tiết : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô  (theo điều 9, Nghị định 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) | 4933 |  |
|  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |  |
|  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt | 5221 |  |
|  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |  |
|  | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |  |
|  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ | 5225 |  |
|  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải  Chi tiết:  - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển;  - Logistics; (Điều 4, Nghị định 163/2017/NĐ-CP Quy định về kinh doanh dịch vụ logistics)  - Gửi hàng;  - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển;  - Giao nhận hàng hóa;  - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;  - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;  - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;  - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển;  - Môi giới thuê tàu biển và máy bay;  - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. | 5229 |  |
|  | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |  |
|  | Cung ứng lao động tạm thời | 7820 |  |
|  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động | 7830 |  |

**ĐIỀU 4: CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên: | | | | | Sinh ngày: |  |
| Quốc tịch: | | Việt Nam | Giới tính:  Nam | | Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | | | | | | |
| Địa chỉ liên lạc: | | | | | | |
| CCCD số: | | | | Ngày cấp: | | |
| Ngày hết hạn: | | | |  | | |
| Cơ quan cấp: | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | | | | | |

**ĐIỀU 5: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VIỆC TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

1.Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ (Năm tỷ Việt Nam đồng)

- Vốn bằng tiền mặt: 5.000.000.000 VNĐ (Năm tỷ Việt Nam đồng)

- Vốn bằng tài sản: 0

- Vốn khác: 0

Thời hạn góp vốn: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp GCNĐKDN

2. Tăng giảm vốn điều lệ:

a. Công ty giảm vốn trong trường hợp sau:

- Hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;

- Vốn điều lệ không được chủ sở hữu công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 75 của Luật doanh nghiệp 2020.

b, Công ty tăng vốn trong trường hợp sau:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

- Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện như sau:

+ Trường hợp tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;

+ Trường hợp chuyển đổi thành công ty cổ phần thì công ty thực hiện theo quy định tại Điều 202 của Luật doanh nghiệp năm 2020.

**ĐIỀU 6 : QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ LƯU GIỮ CON DẤU**

1. Số lượng và hình thức con dấu :

Số lượng con dấu : 1 dấu

Nội dung con dấu : Hình tròn, mực đỏ, chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp, vành dấu có mã số doanh nghiệp, quận và thành phố của địa chỉ trụ sở chính.

2. Sử dụng và lưu giữ con dấu :

Giám đốc công ty có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu.

Việc đóng dấu vào các loại văn bản giấy tờ phải theo đúng quy định của pháp luật.

Con dấu phải được để tại trụ sở cơ quan, tổ chức và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp thật cần thiết để giải quyết công việc ở xa trụ sở cơ quan thì Giám đốc có thể mang con dấu đi theo và phải chịu trách nhiệm về việc mang con dấu ra khỏi cơ quan.

Con dấu đang sử dụng bị mòn, hỏng hoặc có sự chuyển đổi về tổ chức hay đổi tên tổ chức thì công ty sẽ tự khắc dấu Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của công ty.

**ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY**

1. Quyền của Chủ sở hữu

a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;

c) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

d) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

f) Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020

g) Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty.

2. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu:

1. Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ công ty.

3. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

7. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020

## CHƯƠNG II: TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - HOẠT ĐỘNG

**ĐIỀU 8: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Công ty có các quyền sau:**

1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.

2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

4. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

9. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

10. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

11. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

**Công ty có các nghĩa vụ sau:**

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.

3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

4. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 9: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ - NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc.

2. Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Theo điều lệ này, Công ty có **01** người đại diện theo pháp luật.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên: | | | | | Sinh ngày: | 08/07/1991 |
| Quốc tịch: | | Việt Nam | Giới tính:  Nam | | Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | | | | | | |
| Địa chỉ liên lạc: C | | | | | | |
| CCCD số: | | | | Ngày cấp: | | |
| Ngày hết hạn: | | | |  | | |
| Cơ quan cấp: | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội | | | | | |

**Chức danh: Giám đốc**

4. Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

5. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

6. Đối với doanh nghiệp chỉ còn một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

7. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

8. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

- Đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp như: đại diện cho công ty trong việc ký các giấy tờ, hợp đồng, giao dịch liên quan đến các lĩnh vực sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hóa đơn, chứng từ kế toán, ngân hàng, thay đổi đăng ký kinh doanh, quản lý nhân sự của công ty.

- Đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.

9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 8 Điều này.

**ĐIỀU 10: CHỦ TỊCH CÔNG TY**

1. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020.

2. Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp 2020 và pháp luật có liên quan.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt.

**ĐIỀU 11: GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

1. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

2. Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc Công ty có quyền sau:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Ký hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Chủ tịch công ty;

i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

**ĐIỀU 12: NGHĨA VỤ CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY, GIÁM ĐỐC**

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho chủ sở hữu công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020.

**ĐIỀU 13: BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

1. Giúp việc Giám đốc có 1 hoặc 2 Phó Giám đốc. Phó Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, trước Chủ tịch Công ty, và pháp luật về nhiệm vụ được giao thực hiện .

2. Kế toán trưởng Công ty giúp Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định pháp luật.

**ĐIỀU 14: HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu với những người sau đây phải được Chủ tịch công ty, Giám đốc chấp thuận:

a) Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của chủ sở hữu công ty;

b) Chủ tịch công ty, Giám đốc;

c) Người có liên quan của người quy định tại điểm b khoản này;

d) Người quản lý của chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó;

đ) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này.

2. Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Chủ tịch công ty, Giám đốc về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

3. Giám đốc hoặc phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có liên quan đến các bên không có quyền biểu quyết.

4. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

c) Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 77 của Luật doanh nghiệp 2020.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch và người có liên quan là các bên của hợp đồng, giao dịch liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu với chủ sở hữu công ty hoặc người có liên quan của chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.

**ĐIỀU 15: QUẢN LÝ LAO ĐỘNG**

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Công ty.

2. Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Chủ tịch Công ty ban hành.

**CHƯƠNG III : TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

**ĐIỀU 16: NĂM TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của Pháp lệnh kế toán, thống kê và các hướng dẫn của Bộ tài chính.

3. Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

4. Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật

**ĐIỀU 17: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

1. Người quản lý công ty được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty và Giám đốc. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

**ĐIỀU 18: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH**

Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các Quỹ sau đây:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5%
2. Quỹ phát triển kinh doanh: 5%
3. Quỹ khen thưởng phúc lợi : 5%

Các quỹ khác sẽ do Chủ tịch Công ty quyết định tuỳ thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Chủ sở hữu của Công ty chỉ được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty thanh toán đủ các khoản và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Trong trường hợp công ty bị lỗ trong kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành giải thể theo trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty.

**CHƯƠNG IV : TỐ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ,**

**THANH LÝ, PHÁ SẢN**

**ĐIỀU 19: TỐ TỤNG TRANH CHẤP**

1. Tranh chấp nội bộ, Công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thoả thuận nội bộ, nếu không được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

2. Tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

**ĐIỀU 20: GIẢI THỂ CÔNG TY**

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

1. Theo quyết định của chủ sở hữu;
2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**ĐIỀU 21: TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY**

1. Chủ sở hữu thông qua nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

đ) Họ, tên, chữ ký của chủ sở hữu công ty

2. Chủ sở hữu công ty trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ;

4. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác;

5. Sau khi đã thanh toán chi phí giải thể doanh nghiệp và các khoản nợ, phần còn lại chia cho chủ sở hữu công ty.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp;

**ĐIỀU 22: PHÁ SẢN**

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

###### CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**ĐIỀU 23: ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Điều lệ này được áp dụng cho Công ty. Mọi nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh điều lệ này.

**ĐIỀU 24: Thể thức sửa đổi, bổ sung các điều, khoản của Điều lệ**

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.

2. Khi muốn bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ này, Chủ Sở hữu công ty sẽ xem xét, quyết định theo tình hình thực tế.

3. Thể thức thông qua quyết định: Căn cứ vào tình hình hoạt động của công ty, Chủ sở hữu sẽ ra quyết định bằng văn bản để thông qua quyết định, khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty

**ĐIỀU 25: HIỆU LỰC**

Điều lệ này được lập thành 05 chương, 25 điều và được Công ty ban hành và thông qua ngày … tháng .... năm 2024 tại địa chỉ trụ sở chính công ty.

Điều lệ này được lập thành 03 (ba) bản, trong đó 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 01 (một) bản do chủ sở hữu công ty giữ và 01 (một) bản lưu tại trụ sở công ty.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**Chủ sở hữu công ty - Người đại diện theo pháp luật**

**…….**